

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025**



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Địa chỉ: Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

---

### MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 31

51202  
CÔNG  
CH NHIỆ  
TOÁN  
VIỆT  
GIẤY

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Cao Tiến Dũng	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Ông Lê Tiến Dũng	Phó chủ tịch
Ông Cao Minh Phương	Phó chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Ông Cao Quang Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Ông Lê Hoàng Phong	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Cao Việt Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Bà Cao Thủy Tiên	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)

**Ban Tổng giám đốc**

Ông Lê Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Phan Trí Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Cao Tiến Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**



**Lê Tiến Dũng** (Giấy ủy quyền số 97/UQ-DPTU2 ngày 22/4/2025)

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025



Số: 1208.01-25/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận**

Công ty đã ghi tăng khoản thu nhập khác từ khoản tiền nhận hỗ trợ theo Biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Đầu tư phát triển Bình An của Công ty cho Công ty CP Đầu tư tài chính Đất Việt để xác định kết quả kinh doanh trong các năm từ năm 2010 đến năm 2016 với giá trị là 99.600.000.000 đồng. Đến ngày 30/6/2025, chúng tôi vẫn chưa được Công ty cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc hoàn thành thủ tục về chuyển nhượng cổ phần nêu trên. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số V.2, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty có một khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An với giá trị ghi sổ tại ngày 30/6/2025 là 93.600.000.000 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 93.600.000.000 VND). Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của đơn vị nhận vốn đầu tư làm cơ sở cho việc đánh giá sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư này tại ngày 30/6/2025 và 01/01/2025. Chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

**Từ chối đưa ra kết luận**

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2025 của Công ty.



**Phạm Thanh Ngọc**

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1011-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**





Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>144.624.904.787</b>	<b>129.841.539.917</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>9.822.588.052</b>	<b>5.053.168.373</b>
1. Tiền	111	V.1.	9.822.588.052	5.053.168.373
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>83.891.103.345</b>	<b>76.690.595.733</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	30.452.535.072	22.152.834.582
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	952.778.891	913.567.035
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	57.097.273.577	58.235.678.311
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.611.484.195)	(4.611.484.195)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7.</b>	<b>50.329.456.545</b>	<b>47.610.369.449</b>
1. Hàng tồn kho	141		50.329.456.545	47.610.369.449
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>581.756.845</b>	<b>487.406.362</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	161.989.945	160.618.558
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		329.040.400	257.777.679
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	90.726.500	69.010.125
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>301.465.938.104</b>	<b>312.791.806.940</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>72.240.000.000</b>	<b>72.240.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	72.240.000.000	72.240.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>121.174.958.743</b>	<b>132.236.602.153</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	121.174.958.743	132.236.602.153
- Nguyên giá	222		289.655.763.230	289.655.763.230
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(168.480.804.487)	(157.419.161.077)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	-	-
- Nguyên giá	228		810.751.750	810.751.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(810.751.750)	(810.751.750)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>76.805.661</b>	<b>76.805.661</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10.	76.805.661	76.805.661
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>93.960.000.000</b>	<b>93.960.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.	93.960.000.000	93.960.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.014.173.700</b>	<b>14.278.399.126</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	14.014.173.700	14.278.399.126
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>446.090.842.891</b>	<b>442.633.346.857</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Hai Bà Trưng,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/6/2025

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>368.114.813.629</b>	<b>361.660.487.896</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>274.154.813.629</b>	<b>267.700.487.896</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	28.074.033.467	19.658.618.096
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	16.009.610.667	18.990.940.376
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	54.002.656.224	54.006.314.179
4. Phải trả người lao động	314		2.311.070.829	3.332.236.406
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	42.097.541.942	38.669.880.463
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	28.559.268.414	30.861.866.290
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.	102.815.578.312	101.895.578.312
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		285.053.774	285.053.774
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>93.960.000.000</b>	<b>93.960.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	93.960.000.000	93.960.000.000
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>77.976.029.262</b>	<b>80.972.858.961</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18.</b>	<b>77.800.739.262</b>	<b>80.797.568.961</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.902.500.000	4.902.500.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.267.017.189	3.267.017.189
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		249.948.734	249.948.734
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(130.618.726.661)	(127.621.896.962)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(127.621.896.962)	(122.067.787.967)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(2.996.829.699)	(5.554.108.995)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>175.290.000</b>	<b>175.290.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.19.	175.290.000	175.290.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>446.090.842.891</b>	<b>442.633.346.857</b>

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Minh Hương

Nguyễn Thị Diệu Thúy

Lê Tiến Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**Địa chỉ: Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Hai Bà Trưng,  
TP. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/6/2025

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	105.616.856.344	104.788.772.242
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	1.445.463.500	194.447.068
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		104.171.392.844	104.594.325.174
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	91.674.849.779	93.371.246.963
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.496.543.065	11.223.078.211
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	15.775.569	3.293.054
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	6.113.635.670	6.132.819.162
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.039.825.973	5.872.076.668
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6.	1.672.628.875	1.676.047.711
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	7.512.265.507	6.129.200.703
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(2.786.211.418)	(2.711.696.311)
11. Thu nhập khác	31	VI.7.	54.112.760	1.216.421.501
12. Chi phí khác	32	VI.8.	264.731.041	262.806.353
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(210.618.281)	953.615.148
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2.996.829.699)	(1.758.081.163)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(2.996.829.699)	(1.758.081.163)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	(149,84)	(87,90)

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đinh Thị Minh Hương

Nguyễn Thị Diệu Thúy

Lê Tiến Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		94.187.684.636	87.720.181.299
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(67.676.835.281)	(67.198.626.533)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.954.560.153)	(10.503.493.190)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(4.316.260.000)	(1.568.191.716)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.053.699.272	120.000.000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.449.115.514)	(7.789.768.612)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.844.612.960</b>	<b>780.101.248</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.806.719	2.994.254
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.806.719</b>	<b>2.994.254</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		920.000.000	250.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(100.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>920.000.000</b>	<b>150.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4.769.419.679</b>	<b>933.095.502</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>5.053.168.373</b>	<b>3.584.348.015</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>9.822.588.052</b>	<b>4.517.443.517</b>

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Minh Hương

Nguyễn Thị Diệu Thúy

Lê Tiến Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0100109113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03/3/2005. Công ty có 17 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 số 0100109113 ngày 25/4/2025 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, thì Vốn Điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 đồng** (Hai trăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UPCOM với mã giao dịch là DP2.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình; Kinh doanh: nguyên liệu làm thuốc, dược liệu hóa chất, tinh dầu, thuốc tân dược, thuốc Y học cổ truyền, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; Kinh doanh: máy móc thiết bị y tế; máy móc, thiết bị, bao bì phục vụ sản xuất thuốc tân dược, thuốc Y học cổ truyền, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực dược);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà cửa, văn phòng, kho tàng, bến bãi);

**Trụ sở Công ty:** Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**6. Số lượng nhân viên**

Số lượng nhân viên tại ngày 30/6/2025 là 167 người (tại ngày 31/12/2024: 170 người).

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình An, phản ánh đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Tại thời điểm 30/6/2025, Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

**5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tại thời điểm 30/6/2025, Công ty chưa xem xét trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi.

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại thời điểm 30/6/2025, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản khác	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**7.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi thanh lý TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí xây dựng công trình toà nhà hỗn hợp tại Vĩnh Tuy, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong một số các bên tham gia.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là quyền sử dụng đất có thời hạn, chi phí thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp, chi phí sửa chữa nhà xưởng, giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí khác... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước.

Quyền sử dụng đất có thời hạn, chi phí thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí thử tương sinh học, chi phí sửa chữa nhà xưởng chờ phân bổ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

**11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm 30/6/2025.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

**14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí phải trả lãi vay phải trả, chi phí lãi vay chậm trả, và trước khác là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa, doanh thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức lợi nhuận được chia và lãi tiền gửi ngân hàng.

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Hàng bán bị trả lại là những sản phẩm đã được tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại vì không đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, chủng loại hoặc quy cách. Do đó, doanh thu từ hàng bán bị trả lại là khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ. Vào cuối kỳ, khoản doanh thu này sẽ được kết chuyển để điều chỉnh lại doanh thu thuần thực tế của kỳ đó.

**18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, lãi trả chậm và chênh lệch tỷ giá.

**19. Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**20. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh dược phẩm và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

1. Tiền	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	281.561.790	594.457.069
Tiền gửi ngân hàng	9.541.026.262	4.458.711.304
<b>Cộng</b>	<b>9.822.588.052</b>	<b>5.053.168.373</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Hai Bà Trưng,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/6/2025

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**2. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Dài hạn</b>				
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An (i)	93.960.000.000	-	93.960.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>93.960.000.000</b>	<b>-</b>	<b>93.960.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HTĐT ngày 28/12/2007 giữa Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 với Công ty CP Đầu tư tài chính Đất Việt để thành lập Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình An. Do Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An nên không có cơ sở xem xét trích lập dự phòng. Khoản đầu tư trên không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch và không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch với Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An.

**3. Phải thu của khách hàng**

	30/6/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hoàng Hà	1.708.855.306	-	103.977.224	-
Nhà thuốc tư nhân Vinh Quang	967.889.134	-	1.179.863.634	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Tâm Phát	2.579.620.873	-	2.431.803.708	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hướng Việt	781.713.775	-	2.361.553.219	-
Công ty TNHH Dược phẩm Sapphire	1.048.414.352	-	1.048.414.352	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đông Âu	4.291.644.622	-	1.067.988.892	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Đạt	1.790.703.551	-	559.412.371	-
Công ty Cổ phần Thương mại và công nghệ Dược phẩm An Phát	1.667.997.985	-	250.803.000	-
Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Dược phẩm Sinh Phúc	2.160.953.039	-	2.573.083.196	-
Các đối tượng khác	13.454.742.435	(299.074.297)	10.575.934.986	(299.074.297)
<b>Cộng</b>	<b>30.452.535.072</b>	<b>(299.074.297)</b>	<b>22.152.834.582</b>	<b>(299.074.297)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Hai Bà Trưng,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/6/2025

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**4. Trả trước cho người bán**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Thiết bị khoa học và Y tế BMN	242.828.400	-
Inbiotech Limited	154.588.608	-
Công ty CP Nghiên cứu và kiểm nghiệm thuốc AQP	123.852.400	-
Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex	-	549.002.625
Các đối tượng khác	431.509.483	364.564.410
<b>Cộng</b>	<b>952.778.891</b>	<b>913.567.035</b>

**5. Phải thu khác**

	30/6/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>57.097.273.577</b>	<b>(4.312.409.898)</b>	<b>58.235.678.311</b>	<b>(4.312.409.898)</b>
Tạm ứng	151.917.426	-	166.917.426	-
Nguyễn Thuý Hằng	35.000.000	-	35.000.000	-
Các đối tượng khác	116.917.426	-	131.917.426	-
Ký cược, ký quỹ	751.277.512	-	937.656.060	-
Bảo hiểm xã hội	798.740.319	-	1.953.222.422	-
Phải thu khác	55.395.338.320	(4.312.409.898)	55.177.882.403	(4.312.409.898)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình An (i)	49.600.314.938	-	49.600.314.938	-
Trần Bảo Cương	2.345.000.000	(2.345.000.000)	2.345.000.000	(2.345.000.000)
Các đối tượng khác	3.450.023.382	(1.967.409.898)	3.232.567.465	(1.967.409.898)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>72.240.000.000</b>	<b>-</b>	<b>72.240.000.000</b>	<b>-</b>
Phải thu khác	72.240.000.000	-	72.240.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Nhật Minh (ii)	72.240.000.000	-	72.240.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>129.337.273.577</b>	<b>(4.312.409.898)</b>	<b>130.475.678.311</b>	<b>(4.312.409.898)</b>

(i) Là khoản phải thu tiền thuê đất của Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An tại số 9 Trần Thánh Tông, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội từ tháng 10/2012 đến 31/12/2015 theo Biên bản bàn giao mặt bằng số 521 ngày 01/10/2012 và phụ lục 1 số 525 ngày 03/10/2012.

(ii) Là khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/2017NM-DTW2-VH ngày 10/5/2017, Phụ lục hợp đồng số 101/2018/NM-DPTW2-VH ngày 06/9/2018 và Phụ lục hợp đồng số 02/2023/NM-DTW2-VH ngày 09/01/2023 về việc điều chỉnh thời hạn hợp tác đầu tư kinh doanh đến ngày 31/12/2024 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở thấp tầng Đại Mỹ tại Đại Mỹ, Nam Từ Liêm, Hà Nội và Dự án Trung tâm Văn phòng cho thuê tại số 15 Thê Giao, Hai Bà Trưng, Hà Nội với tổng vốn đầu tư xây dựng hai Dự án trên là 170 tỷ đồng. Theo thỏa thuận góp vốn ngày 10/5/2017 và văn bản thay đổi thỏa thuận góp vốn lần 1 ngày 05/9/2018 giữa Công ty TNHH Phát triển Việt Hiền, Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 và Công ty TNHH Sản xuất Nhật Minh - CN Hà Nội, Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 chiếm 42,62% tổng vốn đầu tư, Công ty TNHH Sản xuất Nhật Minh chiếm 26,84% tổng vốn đầu tư, Công ty TNHH Phát triển Việt Hiền chiếm 30,54% tổng vốn đầu tư.

**c) Phải thu khác của các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

6. Nợ xấu	30/6/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Phải thu của khách hàng</i>	299.074.297	-	299.074.297	-
Công ty TNHH Dược phẩm Đông Nam Á	81.568.705	-	81.568.705	-
Các đối tượng khác	217.505.592	-	217.505.592	-
<i>Phải thu khác</i>	4.312.409.898	-	4.312.409.898	-
Trần Bảo Cương	2.345.000.000	-	2.345.000.000	-
Nguyễn Chí Dũng	339.952.000	-	339.952.000	-
Phạm Đăng khoa	139.200.000	-	139.200.000	-
Các đối tượng khác	1.488.257.898	-	1.488.257.898	-
<b>Cộng</b>	<b>4.611.484.195</b>	<b>-</b>	<b>4.611.484.195</b>	<b>-</b>

7. Hàng tồn kho	30/6/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	33.489.085.547	-	27.393.596.296	-
Công cụ, dụng cụ	244.287.589	-	9.118.366	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.147.373.192	-	6.376.772.136	-
Thành phẩm	11.448.710.217	-	13.830.882.651	-
<b>Cộng</b>	<b>50.329.456.545</b>	<b>-</b>	<b>47.610.369.449</b>	<b>-</b>

8. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm kế toán	Cộng
<i>Nguyên giá</i>		
Số dư ngày 01/01/2025	810.751.750	810.751.750
Số dư ngày 30/6/2025	810.751.750	810.751.750
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Số dư ngày 01/01/2025	810.751.750	810.751.750
Số dư ngày 30/6/2025	810.751.750	810.751.750
<i>Giá trị còn lại</i>		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Tại ngày 30/6/2025	-	-
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 810.751.750 VND (Tại ngày 31/12/2024: 810.751.750 VND)		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình		Đơn vị tính: VND			
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2025	84.974.713.142	198.351.158.284	2.940.685.808	2.068.622.571	1.320.583.425
Số dư ngày 30/6/2025	84.974.713.142	198.351.158.284	2.940.685.808	2.068.622.571	1.320.583.425
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2025	30.656.066.423	121.983.541.845	2.875.086.392	1.076.978.034	827.488.383
Khấu hao trong kỳ	1.604.526.066	9.366.368.868	18.474.588	57.112.110	15.161.778
Số dư ngày 30/6/2025	32.260.592.489	131.349.910.713	2.893.560.980	1.134.090.144	842.650.161
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2025	54.318.646.719	76.367.616.439	65.599.416	991.644.537	493.095.042
Tại ngày 30/6/2025	52.714.120.653	67.001.247.571	47.124.828	934.532.427	477.933.264

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 26.935.400.224 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 21.193.377.265 đồng).

- Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để bảo đảm các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 115.164.633.704 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 125.927.605.760 đồng)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Hai Bà Trưng,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/6/2025

**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**10. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dự án công trình tại Vĩnh Tuy	76.805.661	76.805.661
<b>Cộng</b>	<b>76.805.661</b>	<b>76.805.661</b>

**11. Chi phí trả trước**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>161.989.945</b>	<b>160.618.558</b>
Chi phí nghiên cứu chờ phân bổ	1.787.497	734.281
Các chi phí trả trước khác	160.202.448	159.884.277
<b>b) Dài hạn</b>	<b>14.014.173.700</b>	<b>14.278.399.126</b>
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	8.815.060.505	8.969.710.685
Chi phí thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh	3.427.633.617	3.485.402.721
Chi phí sửa chữa nhà xưởng chờ phân bổ	290.205.166	392.630.545
Chi phí trả trước khác	1.481.274.412	1.430.655.175
<b>Cộng</b>	<b>14.176.163.645</b>	<b>14.439.017.684</b>

(\*) Giá trị còn lại của Quyền sử dụng đất có thời hạn dùng để bảo đảm các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 8.815.060.505 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 8.969.710.685 đồng).

**12. Phải trả người bán**

	30/6/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Aristopharma Limited	7.686.143.010	7.686.143.010	-	-
Công ty Hợp tác kinh tế kỹ thuật quốc tế Vân Sơn	7.346.050.277	7.346.050.277	7.346.050.277	7.346.050.277
MI Pharma Private Limited	1.793.271.384	1.793.271.384	2.159.462.950	2.159.462.950
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1- Pharbaco	521.487.707	521.487.707	1.473.575.740	1.473.575.740
Albios Lifesciences Private Limited	1.342.542.200	1.342.542.200	1.229.003.100	1.229.003.100
Công ty TNHH Hóa dược Toàn Phúc	88.200.000	88.200.000	1.507.906.286	1.507.906.286
Các đối tượng khác	9.296.338.889	9.296.338.889	5.942.619.743	5.942.619.743
<b>Cộng</b>	<b>28.074.033.467</b>	<b>28.074.033.467</b>	<b>19.658.618.096</b>	<b>19.658.618.096</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Hai Bà Trưng,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/6/2025

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**13. Người mua trả tiền trước**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Generic	-	973.530.932
Công ty Cổ phần Dược phẩm và thiết bị y tế Đông Nam Á	3.926.890.075	1.518.956.641
Công ty TNHH Dược và thiết bị Xuân Anh	3.120.505.756	6.966.231.329
Công ty TNHH Công nghệ dược Minh An	2.054.484.980	2.502.761.314
Công ty Cổ phần Y dược Thủ Đô	368.336.710	1.374.059.046
Các đối tượng khác	6.539.393.146	5.655.401.114
<b>Cộng</b>	<b>16.009.610.667</b>	<b>18.990.940.376</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/6/2025
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT hàng nội địa	-	992.619.637	992.619.637	-
Thuế nhập khẩu	-	992.619.637	992.619.637	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.408.517	143.612.909	147.270.864	6.750.562
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	53.995.905.662	143.612.909	143.612.909	53.995.905.662
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>54.006.314.179</b>	<b>2.276.465.092</b>	<b>2.280.123.047</b>	<b>54.002.656.224</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.745.080.406	1.766.796.781	21.716.375
Thuế TNDN	69.010.125	-	-	69.010.125
<b>Cộng</b>	<b>69.010.125</b>	<b>1.745.080.406</b>	<b>1.766.796.781</b>	<b>90.726.500</b>

**15. Chi phí phải trả**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước chi phí lãi vay phải trả, lãi chậm trả	42.086.841.942	38.583.040.463
Chi phí phải trả khác	10.700.000	86.840.000
<b>Cộng</b>	<b>42.097.541.942</b>	<b>38.669.880.463</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Địa chỉ: Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính	30/6/2025		Trong kỳ		01/01/2025		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Ngắn hạn	102.815.578.312	102.815.578.312	920.000.000	-	101.895.578.312	101.895.578.312	
Vay ngắn hạn	8.300.000.000	8.300.000.000	920.000.000	-	7.380.000.000	7.380.000.000	
Vay cá nhân (*)	8.300.000.000	8.300.000.000	920.000.000	-	7.380.000.000	7.380.000.000	
Cao Minh Phương	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	2.880.000.000	2.880.000.000	
Lê Văn Tiến	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	
Đinh Thị Minh Hương	720.000.000	720.000.000	720.000.000	-	-	-	
Các đối tượng khác	3.700.000.000	3.700.000.000	200.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	94.515.578.312	94.515.578.312	-	-	94.515.578.312	94.515.578.312	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN	94.515.578.312	94.515.578.312	-	-	94.515.578.312	94.515.578.312	
Sở giao dịch 1 (**)							
Cộng	102.815.578.312	102.815.578.312	920.000.000	-	101.895.578.312	101.895.578.312	

(\*) Khoản vay cán bộ nhân viên trong Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8%/năm, thời gian vay dưới 12 tháng.

(\*\*) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng số 02/2007/HĐTD ngày 15/11/2007, hợp đồng sửa đổi số 09.02.2007/HĐTĐSD - NHPT.SGDI ngày 31/3/2016 để đầu tư mua sắm thiết bị và lắp đặt phục vụ dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất được đạt tiêu chuẩn GMP-WHO". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền trên đất của Công ty tại khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Lãi suất vay 9%/năm, thời hạn vay 18 năm.

b) Vay với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Hai Bà Trưng,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/6/2025

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**17. Phải trả khác**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>28.559.268.414</b>	<b>30.861.866.290</b>
Kinh phí công đoàn	915.491.055	1.345.941.665
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.643.777.359	29.515.924.625
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>107.755.846</i>	<i>107.755.846</i>
Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất Nhật Minh tại Hà Nội (i)	26.410.000.000	26.410.000.000
Các đối tượng khác	1.126.021.513	2.998.168.779
<b>b) Dài hạn</b>	<b>93.960.000.000</b>	<b>93.960.000.000</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	93.960.000.000	93.960.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình An (ii)	93.960.000.000	93.960.000.000
<b>Cộng</b>	<b>122.519.268.414</b>	<b>124.821.866.290</b>

(i) Là khoản phải trả theo Công văn xin hỗ trợ vốn lưu động số 580/CV-DPTW2 ngày 10/12/2018 của Công ty CP Dược phẩm trung ương 2, Công văn đồng ý hỗ trợ vốn lưu động ngày 20/12/2018, khoản vay không lãi suất, không có tài sản đảm bảo, không có thời hạn.

(ii) Là khoản vay Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình An để đầu tư lại vào chính Công ty này.

c) **Phải trả khác là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2

**18. Vốn góp của chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn góp của chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	200.000.000.000	4.902.500.000	(122.067.787.967)	82.834.712.033
Lỗ trong năm trước	-	-	(5.554.108.995)	(5.554.108.995)
Số dư tại ngày 31/12/2024	200.000.000.000	4.902.500.000	(127.621.896.962)	77.280.603.038
Lỗ trong kỳ này	-	-	(2.996.829.699)	(2.996.829.699)
Số dư tại ngày 30/6/2025	200.000.000.000	4.902.500.000	(130.618.726.661)	74.283.773.339

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	13.566.500.000	13.566.500.000
Công ty CP Đầu tư tài chính Đất Việt	24.748.000.000	24.748.000.000
Công ty CP Xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Sài Gòn	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	11.685.500.000	11.685.500.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Hai Bà Trưng,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/6/2025

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>
Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**d) Cổ phiếu**

	30/6/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu		

**d) Các quỹ của Công ty**

Khoản mục	01/01/2025	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/6/2025
Quỹ đầu tư phát triển	3.267.017.189	-	-	3.267.017.189
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	249.948.734	-	-	249.948.734
<b>Cộng</b>	<b>3.516.965.923</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.516.965.923</b>

**\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

19. Nguồn kinh phí	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	175.290.000	175.290.000
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	175.290.000	175.290.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

	30/6/2025	01/01/2025
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Tiền gửi ngân hàng USD	1.194,27	1.207,47

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa	338.604.571	123.829.994
Doanh thu bán thành phẩm	105.278.251.773	104.664.942.248
<b>Cộng</b>	<b>105.616.856.344</b>	<b>104.788.772.242</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Hàng bán bị trả lại	1.445.463.500	194.447.068
<b>Cộng</b>	<b>1.445.463.500</b>	<b>194.447.068</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Giá vốn bán hàng hóa	322.207.506	123.757.176
Giá vốn bán thành phẩm	91.352.642.273	93.247.489.787
<b>Cộng</b>	<b>91.674.849.779</b>	<b>93.371.246.963</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi ký quỹ	4.806.719	2.994.254
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	10.968.850	298.800
<b>Cộng</b>	<b>15.775.569</b>	<b>3.293.054</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**5. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
<b>a) Chi phí tài chính phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí lãi vay	6.039.825.973	5.872.076.668
Lãi chậm thanh toán	-	87.397.416
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	73.809.697	173.345.078
<b>Cộng</b>	<b>6.113.635.670</b>	<b>6.132.819.162</b>

**b) Chi phí tài chính với bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2**6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>1.672.628.875</b>	<b>1.676.047.711</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	1.178.466.486	1.022.722.788
Chi phí vật liệu, bao bì	3.339.466	2.132.162
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.474.588	18.474.588
Chi phí bằng tiền khác	472.348.335	632.718.173
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>7.512.265.507</b>	<b>6.129.200.703</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.272.623.765	2.897.039.646
Chi phí đồ dùng văn phòng	140.478.525	400.150.625
Chi phí khấu hao TSCĐ	175.280.166	176.462.031
Thuế, phí, lệ phí	387.082.751	341.196.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.666.787	-
Chi phí bằng tiền khác	3.394.133.513	2.314.351.889
<b>Cộng</b>	<b>9.184.894.382</b>	<b>7.805.248.414</b>

**7. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
<b>a) Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ cho thuê kho	13.352.180	1.096.418.350
Thu nhập khác	40.760.580	120.003.151
<b>Cộng</b>	<b>54.112.760</b>	<b>1.216.421.501</b>

**b) Thu nhập khác với bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Hai Bà Trưng,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/6/2025

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**8. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Phạt vi phạm hành chính và chậm nộp thuế, bảo hiểm	-	3.500.000
Xử lý hàng tồn kho	217.965.697	203.238.720
Chi phí khác	46.765.344	56.067.633
<b>Cộng</b>	<b>264.731.041</b>	<b>262.806.353</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.996.829.699)	(1.758.081.163)
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.006.572.000	1.687.663.140
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(990.257.699)	(70.418.024)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	63.893.570.755	64.255.613.088
Chi phí nhân công	14.530.025.149	11.793.040.099
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.061.643.410	10.979.234.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.537.775.095	2.167.072.124
Chi phí bằng tiền khác	5.004.089.639	4.472.070.421
<b>Cộng</b>	<b>97.027.104.048</b>	<b>93.667.030.284</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.996.829.699)	(1.758.081.163)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.996.829.699)	(1.758.081.163)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(149,84)	(87,90)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND</b>
<b>1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	920.000.000	250.000.000
<b>2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	-	100.000.000

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**Danh sách các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình An	Đơn vị nhận vốn góp
Ông Cao Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025), Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Ông Lê Tiến Dũng	Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Cao Minh Phương	Phó chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Ông Cao Quang Hưng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Ông Lê Hoàng Phong	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Ông Cao Việt Hưng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Bà Cao Thùy Tiên	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2025)
Ông Phan Trí Dũng	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy	Kế toán trưởng
Ông Trần Đức Thảo	Trợ lý chủ tịch HĐQT (Nghỉ hưu từ 01/7/2024)
Bà Trần Thị Thu Thủy	Trưởng BKS (Bổ nhiệm từ 21/4/2025)
Ông Lương Tấn Hoàn	Trưởng BKS (Miễn nhiệm từ 21/4/2025)
Ông Hà Thọ	Thành viên BKS (Bổ nhiệm từ 21/4/2025)
Bà Nguyễn Ngọc Huyền	Thành viên BKS (Bổ nhiệm từ 21/4/2025)
Bà Dương Thị Ngọc	Thành viên BKS (Miễn nhiệm từ 21/4/2025)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

a) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
<b>Chi phí lãi vay</b>		
Ông Lê Tiến Dũng	31.500.000	31.500.000
Ông Phan Trí Dũng	4.200.000	4.200.000
Ông Cao Minh Phương	115.200.000	
<b>Thu nhập khác (Thu nhập từ thuê kho)</b>		
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	-	1.082.001.000

b) Số dư với các bên liên quan

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình An	49.600.314.938	49.600.314.938
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình An	93.960.000.000	93.960.000.000
<b>Vay</b>		
Ông Lê Tiến Dũng	750.000.000	750.000.000
Ông Phan Trí Dũng	50.000.000	50.000.000
Ông Cao Minh Phương	2.880.000.000	-

c) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

Họ và tên	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
<b>Thu nhập Ban Tổng giám đốc</b>	<b>1.159.957.809</b>	<b>1.079.881.362</b>
Ông Nguyễn Tiến Đức	172.177.910	216.034.090
Ông Lê Tiến Dũng	356.568.363	322.530.911
Ông Phan Trí Dũng	204.733.364	182.799.545
Ông Nguyễn Thanh Tùng	198.552.909	175.994.544
Ông Cao Tiến Dũng	227.925.263	182.522.272
<b>Thu nhập của Kế toán trưởng và các thành viên quản lý khác</b>	<b>214.660.273</b>	<b>383.681.817</b>
Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy	214.660.273	192.401.817
Ông Trần Đức Thảo	-	191.280.000
<b>Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị</b>	<b>31.000.000</b>	<b>24.000.000</b>
Ông Nguyễn Tiến Đức	-	-
Ông Cao Tiến Dũng	7.000.000	6.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Hai Bà Trưng,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/6/2025

**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Ông Lê Tiến Dũng	6.000.000	6.000.000
Ông Cao Minh Phương	2.000.000	-
Ông Cao Quang Hưng	4.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	6.000.000	6.000.000
Bà Cao Thủy Tiên	2.000.000	-
Ông Lê Hoàng Phong	2.000.000	-
Ông Cao Việt Hưng	2.000.000	-
<b>Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát</b>	<b>14.400.000</b>	<b>14.400.000</b>
Bà Trần Thị Thu Thủy	4.800.000	4.200.000
Ông Lương Tấn Hoàn	4.000.000	6.000.000
Ông Hà Thọ	1.400.000	-
Bà Nguyễn Ngọc Huyền	1.400.000	-
Bà Dương Thị Ngọc	2.800.000	4.200.000
<b>Cộng</b>	<b>1.420.018.082</b>	<b>1.501.963.179</b>

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

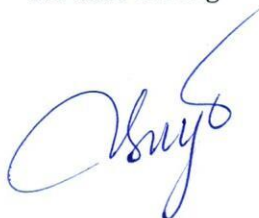
Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Đinh Thị Minh Hương

Nguyễn Thị Diệu Thúy

Lê Tiến Dũng





CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM  
TRUNG ƯƠNG 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Số: 182/CBTT-DPTU'2

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Bán niên năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: DP2
- Địa chỉ: Số 9 phố Trần Thánh Tông, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024 39716579/91: Fax: 024 35251484.
- Email: dopharma@dopharma.com.vn.
- Website: wwwdophrma.com.vn \_ dopharma.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Bán niên năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán bán niên năm 2025):

☒ Có

☐ Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 15/08/2025 tại đường dẫn: [www.dopharma.com.vn](http://www.dopharma.com.vn) \_ [dopharma.vn](http://dopharma.vn)

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC bán niên năm 2025
- Văn bản giải trình báo cáo
- Tài chính bán niên năm 2025

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**DS. Lê Tiến Dũng**